BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

V/v xây dựng Luật Giao dịch điện tử sửa đổi (thay thế Luật Giao dịch điện tử 2005)

(*Kèm theo Tờ trình số ……./TTr-BTTTT ngày……tháng……năm 2021*)

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư và Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52- NQ/TW; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020), Bộ Thông tin và Truyền thông (sau đây gọi là Bộ TTTT) xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách liên quan đến Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giao dịch điện tử 2005 với các nội dung chính sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh sửa đổi, bổ sung Luật Giao dịch điện tử 2005

Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 được Quốc hội khoá XI thông qua ngày 29/11/2005, có hiệu lực thi hành ngày 01/03/2006. Trong gần 15 năm qua, Luật Giao dịch điện tử đã đóng vai trò quan trọng cùng với các luật chuyên ngành khác đã tạo cơ sở pháp lý để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy giao dịch điện tử, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế-xã hội,

đưa ứng dụng khoa học và công nghệ vào cải cách hành chính. Căn cứ Luật Giao dịch điện tử, Chính phủ và các bộ, ngành đã ban hành nhiều nghị định, thông tư quy định, hướng dẫn thực hiện đối với các hoạt động giao dịch điện tử trong các lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, thương mại điện tử, ngân hàng cũng như các quy định về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Luật Giao dịch điện tử (2005) đã ghi nhận giá trị pháp lý của giao dịch điện tử bao gồm: thông điệp dữ liệu, chữ ký điện tử. Đây là cơ sở pháp lý để triển khai các giao dịch hành chính, dân sự trên môi trường điện tử và được xã hội công nhận. Đồng thời, các ngành, lĩnh vực từ đó xây dựng quy định hướng dẫn tạo thuận lợi cho các giao dịch dân sự, thương mại và giảm thiểu thủ tục hồ sơ hành chính.

Về khía cạnh dân sự, thương mại, Luật Giao dịch điện tử (2005) kế thừa phần lớn quy định trong Luật mẫu về Thương mại điện tử của UNCITRAL. Do đó, các quy định trong Luật được tương thích với pháp luật và thông lệ quốc tế và đã cóđóng góp quan trọng thúc đẩy hợp tác trong thương mại, tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện của nước ta.

Những yếu tố nêu trên là tiền đề nâng cao hiệu quả hoạt động hành chính, thương mại, đóng góp quan trọng vào việc ổn định tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, đã mang lại kết quả phát triển và ứng dụng giao dịch điện tử trong một số lĩnh vực điển hình:

- Thị trường thương mại điện tử của Việt Nam đã tăng trưởng từ con số gần bằng 0 năm 2006 đạt 12 tỉ USD trong năm 2020 (ước tính). Về quy mô, năm 2018, TMĐT Việt Nam tiếp tục phát triển toàn diện với tốc độ tăng trưởng trên 30%. Thói quen mua hàng của người tiêu dùng Việt Nam cũng có những thay đổi tích cực.

- Trong lĩnh vực tài chính, việc triển khai hóa đơn điện tử giúp rút ngắn thủ tục lập hóa đơn cho doanh nghiệp, từ 05 thủ tục xuống còn 01 thủ tục, giúp doanh nghiệp rút ngắn tới 99% thời gian thanh toán, quản lý hóa đơn.

- Ngành Hải quan triển khai ứng dụng giao dịch điện tử từ rất sớm từ năm 2005. Trước đây thủ tục hải quan mất hàng giờ để hoàn thành, đến nay chỉ mất vài giây để hoàn thành việc phân luồng. Hệ thống VNACCS/VCIS ở mức độ rất cao tại 100% các đơn vị hải quan trên phạm vi toàn quốc với hơn 99% doanh nghiệp tham gia, xử lý hơn 99,6% tờ khai và thời gian tiếp nhận, xử lý, trả kết quả trong thời gian chỉ từ 1-3 giây, tiết kiệm được khoảng 5,7 triệu USD chi phí chuyển phát nhanh cho doanh nghiệp.

- Trong lĩnh vực bảo hiểm, thủ tục hành chính trong việc tham gia và giải quyết các quyền lợi về BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT) ngày càng được cải tiến,

rút gọn. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính trong giao dịch với các doanh nghiệp, cá nhân tham gia BHXH, BHYT được rút ngắn từ 335 giờ/năm xuống còn 147 giờ/năm. Số thời gian đi lại, chờ đợi tiết kiệm được lên tới hơn 3 triệu giờ/năm.

Tuy nhiên sau gần 15 năm thực hiện, đến nay Luật Giao dịch điện tử (2005) cũng đang bộc lộ những bất cập, nhiều nội dung không còn phù hợp với thực tế phát triển, không đáp ứng được nhu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cũng như công cuộc chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số của Việt Nam trong giai đoạn tới. Luật giao dịch điện tử (2005) được xây dựng theo hình thức luật khung, nhiều quy định còn mang tính nguyên tắc, chung chung. Trong quá trình thực hiện đã xuất hiện sự thiếu thống nhất, không đồng bộ, thực tế đã có những văn bản quy định chồng chéo, mâu thuẫn. Một số quy định của Luật Giao dịch điện tử (2005) chưa phù hợp với thực tiễn triển khai do vậy văn bản hướng dẫn buộc phải sửa đổi, không phù hợp với quy định tại Luật.

2. Các bất cập, hạn chế trong quy định của Luật Giao dịch điện tử 2005

Thứ nhất, phạm vi điều chỉnh chưa phù hợp với thực tiễn ứng dụng và phát triển giao dịch điện tử hiện nay. Luật Giao dịch điện tử (2005) loại trừ không áp dụng giao dịch điện tử đối với một số hoạt động cụ thể trong các lĩnh vực tư pháp, đất đai, xây dựng, tài chính. Việc loại trừ này có thể gây khó khăn cho việc triển khai dịch vụ công trực tuyến cũng như triển khai các dịch vụ giao dịch điện tử trong các lĩnh vực thuộc phạm vi kể trên.

Thứ hai, Luật Giao dịch điện tử (2005) thiếu quy định về giá trị pháp lý của một số yếu tố quan trọng trong giao dịch điện tử như: thông điệp dữ liệu an toàn, chữ ký điện tử và chứng thực chữ ký điện tử, định danh và xác thực điện tử, dịch vụ tin cậy và nhà cung cấp dịch vụ tin cậy. Thực tế, giao dịch điện tử trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, hải quan luôn tồn tại hồ sơ điện tử và yêu cầu về giá trị pháp lý, xác thực và bảo đảm an toàn cho hồ sơ điện tử. Mặt khác, các quy định về giá trị pháp lý, chứng cứ của thông điệp dữ liệu còn chưa rõ ràng. Để thực thi quy định về giá trị pháp lý, chứng cứ của của thông điệp dữ liệu, Luật cần quy định rõ các nội dung liên quan đến đảm bảo tính toàn vẹn của của thông điệp dữ liệu và đảm bảo tính chống chối bỏ của của thông điệp dữ liệu (quy định về các yếu tố: thời gian, địa điểm gửi, nhận thông điệp dữ liệu,thời điểm ký thông điệp, lưu trữ, các hình thức thể hiện của thông điệp dữ liệu…còn thiếu hoặc có quy định nhưng chưa phù hợp với thực tiễn). Ngoài ra, Luật chưa có quy định làm rõ giá trị pháp lý và chứng cứ của thông điệp dữ liệu khi được lưu trữ và của thông điệp dữ liệu đã được chuyển đổi với bản giấy. Các quy định về giá trị pháp lý củachữ ký điện tử, chứng thực chữ ký điện tửchưa

phù hợp với thực tiễn và chưa có quy định về các cấp độ chữ ký điện tử, giá trị pháp lý theo từng cấp độ, các trường hợp sử dụng để chữ ký điện tử có tính ứng dụng cao, phù hợp với nhu cầu đa dạng của các giao dịch điện tử.

Thứ ba, các quy định về giao kết và hợp đồng điện tử trong Luật Giao dịch điện tử (2005) còn chung chung, đặc biệt là các quy định mang tính chất đặc thù trong hoạt động giao kết như: quy trình, thủ tục giao kết hợp đồng điện tử, quy định về giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử, điều kiện có hiệu lực, hợp đồng có hiệu lực và hợp đồng vô hiệu khi tiến hành dưới hình thức điện tử. Ngoài ra, các vấn đề phát sinh trong giao kết hợp đồng điện tử trong qua trình triển khai như: giá trị pháp lý của một đề nghị giao kết hợp đồng, giá trị pháp lý của hợp đồng thông minh, giao dịch điện tử xuyên biên giới, các phương thức thanh toán… còn chưa có quy định để giải quyết các bất cập trong quản lý việc xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm thông tin số, hoạt động thương mại điện tử trên mạng xã hội, nền tảng thiết bị di động, v.v… Bên cạnh đó, các quy định về vấn đề liên quan về giải quyết tranh chấp trong giao dịch điện tử cũng còn thiếu hoặc chưa có các quy định dẫn chiếu cụ thể đến các Luật chuyên ngành về phương thức giải quyết tranh chấp đặc thù, liên quan đến việc ký kết và thực hiện giao dịch điện tử.

Thứ tư, các quy định về giao dịch điện tử trong cơ quan nhà nước của Luật Giao dịch điện tử (2005) còn ở mức nguyên tắc chung, không đủ cụ thể để áp dụng trong thực tế. Giao dịch điện tử của các cơ quan nhà nước đã phát triển mạnh mẽ (dịch vụ công trực tuyến, gửi nhận văn bản điện tử, trao đổi dữ liệu, v.v.) nhưng chủ yếu được điều chỉnh bởi các văn bản dưới Luật và cần phải được rà soát, bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp với thực tế phát triển.

Thứ năm, Luật Giao dịch điện tử (2005) có một số quy định về an ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật giao dịch điện tử. Tuy nhiên hiện nay Quốc Hội đã ban hành Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 và Luật An ninh mạng năm 2018 với nhiều quy định cụ thể về an toàn thông tin mạng và an ninh mạng, dẫn đến của các quy định về an ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật trong cho các giao dịch điện tử cần phải được sửa đổi, bổ sung cho đồng bộ với các Luật chuyên ngành và phù hợp với thực tế.

Thứ sáu, Luật Giao dịch điện tử 2005 hiện chưa có quy định về quản lý các nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến trên không gian mạng, đặc biệt là các nền tảng số trực tuyến quy mô lớn, có khả năng chi phối thị trường. Việc quản lý, phát triển nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến đóng vai trò trung tâm khi đây là thành phần quan trọng trong cấu trúc nền kinh tế nền tảng, kinh tế số; là trung gian giao dịch giữa người dùng cuối và người dùng doanh nghiệp. Các nền tảng số lớn có ảnh hưởng lớn, kiểm soát đáng kể quyền truy

cập của người dùng, giữ vị trí vững chắc trong trong thị trường số sẽ dẫn đến sự phụ thuộc của người dung, nhiều trường hợp dẫn đến các hành vi gây bất bình đẳng, độc quyền, gây ảnh hưởng khả năng cạnh tranh, sự phát triển lành mạnh, hiệu quả của thị trường hoặc gây mất quyền lợi của người tiêu dùng.

Các bất cập của Luật Giao dịch điện tử 2005 bắt nguồn từ những nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, Luật Giao dịch điện tử (2005) được xây dựng vào thời điểm ngành công nghệ thông tin của Việt Nam cũng như hoạt động giao dịch điện tử, Chính phủ điện tử và thương mại điện tử chưa phát triển. Sau 15 năm, ứng dụng công nghệ mới trong giao dịch điện tử đã phát sinh những vấn đề mới mà Luật Giao dịch điện tử (2005) chưa quy định.

Thứ hai, sau 15 năm triển khai, đất nước có nhiều tiến bộ về kinh tế và xã hội. Đất nước ta đã hội nhập sâu rộng hơn, tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do như: hiệp định trong khuôn khổ WTO, AFTA, CPTPP, EVFTA, v.v. Trong giai đoạn mới, cuộc CMCN 4.0 đang diễn ra với công cuộc chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, chính phủ số đặt ra nhiều thách thức về chính sách và mô hình quản lý giao dịch điện tử.

Thứ ba, trong quá trình 15 năm thực thi đã có nhiều Luật chuyên ngành liên quan được ban hành như: Bộ Luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Đầu tư, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, v.v. và các văn bản hướng dẫn. Nhiều quy định chồng chéo, mâu thuẫn hoặc trùng lặp với các quy định chuyên ngành.

Từ kết quả tổng kết gần 15 năm thực thi Luật Giao dịch điện tử (2005) cho thấy đến nay Luật đã bộc lộ nhiều hạn chế. Trong đó, có nhiều nội dung cần phải được sửa đổi, bổ sung mới có thể giải quyết được. Ngoài ra, bối cảnh và yêu cầu phát triển của đất nước trong tình hình mới cũng đòi hỏi Luật phải được bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hành lang pháp lý đáp ứng cuộc CMCN 4.0 và công cuộc chuyển đổi số của quốc gia theo đúng định hướng mà Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định. Việc sửa đổi, bổ sung Luật Giao dịch điện tử (2005) nhằm xây dựng Luật trở thành nền tảng pháp lý điều chỉnh các vấn đề chung phát sinh trong giao dịch trên môi trường điện tử theo nguyên tắc tự do, tự nguyện, bình đẳng và tự chịu trách nhiệm giữa các bên tham gia, tạo hành lang pháp lý ghi nhận và bảo vệ quyền của tổ chức, cá nhân trong giao dịch điện tử, góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia.

3. Mục tiêu xây dựng chính sách

Việc sửa đổi, bổ sung Luật Giao dịch điện tử (2005) tập trung vào các mục tiêu cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung các quy định trong Luật để giải quyết những vướng mắc, bất cập của Luật Giao dịch điện tử(2005);

- Sửa đổi, bổ sung các quy định trong Luật nhằm tạo hành lang pháp lý phù hợp thực tiễn phát triển, nhu cầu về giao dịch điện tử tin cậy, an toàn, và áp dụng được các công nghệ, kỹ thuật đang có xu hướng phát triển mạnh mẽ; đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế, các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

- Đồng bộ các quy định trong Luật Giao dịch điện tử với các văn bản pháp luật được Quốc hội, Chính phủ ban hành từ năm 2005 đến nay như các Luật: Dân sự, Doanh nghiệp, Đầu tư, Hình sự, Tiếp cận thông tin, An toàn thông tin mạng, An ninh mạng, v.v…

- Xây dựng Luật GDĐT theo hướng mở rộng phạm vi và đối tượng điều chỉnh để phù hợp với quá trình chuyển đổi số, sự phát triển của nền công nghiệp 4.0, Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Đồng thời với việc quy định cụ thể các cơ chế pháp lý và phù hợp với điều ước quốc tế liên quan đến thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên để tạo thuận lợi thúc đẩy sự phát triển cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đối tượng tham gia vào hoạt động giao dịch điện tử.

3.1. Các vấn đề tổng thể cần giải quyết

3.1.1. Mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật:

Vấn đề đặt ra đối với việc mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Giao dịch điện tử theo hướng không loại trừ các đối tượng cụ thể đã được quy định tại Điều 1 Luật Giao dịch điện tử (2005) *"việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các bất động sản khác, văn bản về thừa kế, giấy đăng ký kết hôn, quyết định ly hôn, giấy khai sinh, giấy khai tử, hối phiếu và các giấy tờ có giá khác"*. Pháp luật chuyên ngành sẽ quy định có cho phép việc thực hiện giao dịch điện tử trong các lĩnh vực chuyên ngành cụ thể, tùy thuộc vào sự phát triển của CNTT và chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ.

Dự kiến, phạm vi điều chỉnh của Luật sửa đổi sẽ bao gồm tất cả các lĩnh vực của đời sống, kinh tế, xã hội. Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho ứng dụng giao dịch điện tử trong toàn bộ hoạt động kinh tế-xã hội. Từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc chuyển đổi số của đất nước, phát triển Chính phủ điện tử, thương mại điện tử.

3.1.2. Đảm bảo các giá trị pháp lý, độ tin cậy, minh bạch của giao dịch điện tử

Để bảo đảm độ tin cậy, minh bạch của giao dịch điện tử, việc quy định cụ thể về định danh và xác thực điện tử sẽ tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ định danh và xác thực điện tử (đặc biệt là các quy định về việc áp dụng, công nhận giá trị pháp lý khi triển khai công nghệ mới như QR code, blockchain đối với xác thực và định danh); quy định rõ ràng, phân biệt các khái niệm thông điệp dữ liệu, thông điệp dữ liệu an toàn, chữ ký điện tử, chữ ký điện tử an toàn. Hoàn thiện các quy định về thông điệp dữ liệu mà Luật Giao dịch điện tử (2005) quy định còn chưa rõ ràng, hạn chế, chưa phù hợp với thực tiễn như: địa điểm gửi và nhận, gán dấu thời gian đối với thông điệp dữ liệu, việc chuyển đổi chứng từ điện tử sang dạng giấy và ngược lại, bản gốc, bản sao, bản chính và giá trị pháp lý của chứng từ sau khi chuyển đổi, v.v… Đồng thời, quy định rõ: các điều kiện, tiêu chuẩn để chữ ký điện tử được xác định là chữ ký điện tử an toàn và thông điệp dữ liệu được xác định là thông điệp dữ liệu an toàn; các cấp độ chữ ký điện tử, giá trị pháp lý theo từng cấp độ.

3.1.3. Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hoạt động quản lý nhà nước về giao dịch điện tử

Các quy định của Luật Giao dịch điện tử (2005) còn ở mức nguyên tắc chung, không đủ cụ thể để áp dụng trong thực tế. Giao dịch điện tử của các cơ quan nhà nước đã phát triển mạnh mẽ (dịch vụ công trực tuyến, gửi nhận văn bản điện tử, trao đổi dữ liệu, v.v.) nhưng chủ yếu được điều chỉnh bởi các văn bản dưới Luật dẫn đến thiếu đồng bộ, thống nhất trong quy định liên quan các lĩnh vực chuyên ngành.

- Đối với các vấn đề đặt ra trong giao dịch điện tử của tổ chức, cá nhân với cơ quan nhà nước: Giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong việc sử dụng giao dịch điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính giữa tổ chức, cá nhân với cơ quan quản lý nhà nước nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả của triển khai giao dịch điện tử trong thủ tục hành chính, thúc đẩy quá trình triển khai Chính phủ điện tử.

- Đối với các vấn đề trong việc chia sẻ dữ liệu phục vụ giao dịch điện tử giữa các cơ quan nhà nước: Giải quyết các vướng mắc về pháp lý, quy định về nguyên tắc, tiêu chuẩn kỹ thuật chung trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa địa phương với địa phương, địa phương và trung ương, giữa các bộ, ngành; nguyên tắc khai thác dữ liệu trong các cơ sở dữ liệuđể phục vụ xác thực, xác minh khi thụ lý hồ sơ thủ tục hành chính, hướng đến đơn giản hóa thành phần hồ sơ.

3.1.4. Đảm bảo tính đồng bộ, đảm bảo các chính sách quản lý đối phù hợp với yêu cầu thực tiễn của sự phát triển mạnh mẽ các hoạt động kinh tế trên Internet và các nền tảng số, dịch vụ số

Luật Giao dịch điện tử (2005) hiện chưa có quy định về quản lý các nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến trên không gian mạng, đặc biệt là các nền tảng số trực tuyến quy mô lớn, có khả năng chi phối thị trường. Việc quản lý, phát triển nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến đóng vai trò trung tâm khi đây là thành phần quan trọng trong cấu trúc nền kinh tế nền tảng, kinh tế số, nhiều trường hợp dẫn đến các hành vi gây bất bình đẳng, độc quyền, gây ảnh hưởng khả năng cạnh tranh, sự phát triển lành mạnh, hiệu quả của thị trường hoặc gây mất quyền lợi của người tiêu dùng.

Dự kiến, nội dung của Luật sửa đổi sẽ thiết lập cơ sở pháp lý cơ bản về nguyên tắc, quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan, các tiêu chí, điều kiện hoạt động, kinh doanh đối với các nền tảng số, dịch vụ số, đặc biệt là các nền tảng số, các doanh nghiệp công nghệ lớn có khả năng chi phối thị trường; quy định về phát triển và quản lý nền tảng số, dịch vụ số, chính sách của Nhà nước nhằm thúc đẩy giao dịch trên nền tảng số, giao dịch trực tuyến; hạn chế những vấn đề phát sinh dẫn tới hoạt động không công bằng, đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng, chống độc quyền trên không gian mạng; khai thác và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong khi vẫn bảo vệ được quyền riêng tư của cá nhân; hệ thống đánh giá tín nhiệm, báo cáo nội dung bất hợp pháp, quy định giải quyết tranh chấp và các quy định cơ bản khác đảm bảo an toàn giao dịch trực tuyến; giám sát, ngăn chặn các hành vi gian lận, lừa đảo, ngăn chặn các mua bán, sát nhập độc hại và các hoạt động tiêu cực đến hoạt động kinh tế trên nền tảng internet v.v... Thông qua đó, người dùng được hưởng đầy đủ lợi ích của kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ và kinh tế số, chống thất thu thuế Chính phủ và tạo môi trường cạnh tranh công bằng giữa các doanh nghiệp nền tảng và các doanh nghiệp truyền thống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp.

3.2. Các chính sách giải quyết vấn đề:

- Chính sách 1: Quy định mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Giao dịch điện tử.

- Chính sách 2: Quy định đảm bảo giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu.

- Chính sách 3: Quy định đảm bảo giá trị pháp lý của chữ ký điện tử, quản lý dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử.

Chính sách 4: Quy định đảm bảo giá trị pháp lý của các hình thức xác thực, định danh điện tử.

Chính sách 5: Quy định đảm bảo giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử, quy định về giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử.

Chính sách 6: Quy định về dịch vụ tin cậy và nhà cung cấp dịch vụ tin cậy.

Chính sách 7: Quy định về giao dịch điện tử của tổ chức, cá nhân với cơ quan nhà nước và giữa các cơ quan nhà nước.

Chính sách 8: Quy định về an ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật trong giao dịch điện tử.

Chính sách 9: Quy định về quản lý nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến.

II. Đánh giá tác động của chính sách

1. Chính sách 1: *Quy định mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Giao dịch điện tử.*

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Điều 1, Luật Giao dịch điện tử 2005 loại trừ không áp dụng giao dịch điện tử đối với "*việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các bất động sản khác, văn bản về thừa kế, giấy đăng ký kết hôn, quyết định ly hôn, giấy khai sinh, giấy khai tử, hối phiếu và các giấy tờ có giá khác*". Việc loại trừ này gây khó khăn trong quá trình thực hiện triển khai dịch vụ công trực tuyến cũng như triển khai ứng dụng giao dịch điện tử trong các lĩnh vực thuộc phạm vi kể trên. Tuy nhiên, trên thực tế ở thời điểm hiện tại, việc triển khai giao dịch điện tử hiện đã được ứng dụng một phần trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực như: đăng ký kết hôn, cấp giấy khai sinh, cấp giấy khai tử… trên cơ sở căn cứ các quy định pháp lý về ứng dụng công nghệ thông tin và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, chính quyền các cấp.

Lý do của việc loại trừ trong Luật Giao dịch điện tử là tại thời điểm năm 2005 nhiều ý kiến lo ngại các giao dịch điện tử trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các bất động sản khác, văn bản về thừa kế, giấy đăng ký kết hôn, quyết định ly hôn, giấy khai sinh, giấy khai tử, hối phiếu và các giấy tờ có giá khác không bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử. Đến nay, giao dịch điện tử đặc biệt là dịch vụ công trực tuyến đã trở nên phổ biến, được chấp nhận rộng rãi. Nếu tiếp tục loại trừ, không áp dụng giao dịch điện tử như quy định tại Điều 1 của Luật Giao dịch điện tử 2005 sẽ là rào cản pháp lý cho việc triển khai các dịch vụ trực tuyến trong các lĩnh vực tư pháp, đất đai, xây dựng, tài chính.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Giao dịch điện tử sửa đổi bao gồm tất cả các lĩnh vực của đời sống, kinh tế, xã hội để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho ứng dụng giao dịch điện tử trong toàn bộ hoạt động kinh tế, xã hội. Từ đó giảm thiểu các vướng mắc, bất cập trong triển khai các dịch vụ công trực tuyến, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc chuyển đổi số của đất nước, phát triển Chính phủ điện tử.

1.3. Các phương án đề xuất để giải quyết vấn đề

1.3.1. Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng như hiện nay, không mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật.

- *Tác động kinh tế:* Không.

- *Tác động xã hội:* Không.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Không.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp không giải quyết được các bất cập hiện nay trong triển khai các thủ tục hành chính, dịch vụ trực tuyến. Vẫn tồn tại các rào cản trong triển khai Chính phủ điện tử ở các lĩnh vực bị loại trừ.

1.3.2. Phương án 2: Quy định mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Giao dịch điện tử tới tất cả các lĩnh vực của đời sống, kinh tế, xã hội.

- *Tác động kinh tế:* Không phát sinh chi phí trực tiếp tới các hoạt động triển khai quản lý điều hành hiện tại. Tuy nhiên các cơ quan quản lý nhà nước sẽ cần bổ sung kinh phí, thời gian để xây dựng, nâng cấp các hệ thống hiện tại để đáp ứng yêu cầu thực hiện giao dịch điện tử, đặc biệt với các lĩnh vực nằm trong nhóm được loại trừ trước đây. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước đã được giao nhiệm vụ tại Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 07/3/2019, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đang tiến hành triển khai xây dựng Chính phủ điện tử, hoàn thiện mục tiêu đến năm 2025 đạt 80% dịch vụ công trực tuyến ở mức 3, 4. Vì vậy chi phí phát sinh nêu trên đã được dự kiến trong Kế hoạch ứng dụng CNTT, phát triển Chính phủ điện tử của các Bộ, ngành, địa phương (ước tính khoảng 2.000 tỷ/01 năm). Việc tăng cường thực hiện các giao dịch điện tử trong mọi lĩnh vực của đời sống, kinh tế, xã hội sẽ tiết giảm các chi phí về giấy tờ, in ấn, thời gian đi lại, công chứng, chứng thực… cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, đặc biệt với các vấn đề liên quan nhiều bộ, ban, ngành.

+ Bên cạnh đó, việc triển khai giao dịch điện tử đối với tất cả các lĩnh vực trong đời sống, xã hội sẽ góp phần tiết kiệm các chi phí trực tiếp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Theo

công thức tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính được hướng dẫn tại Thông tư 02/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ:

Chi phí tuân thủ 01 thủ tục hành chính = Chi phí thực hiện các công việc cần thiết theo quy định để có kết quả của thủ tục hành chính đó + Phí, lệ phí và các chi phí khác theo quy định (nếu có).

Tổng chi phí tuân thủ 01 thủ tục hành chính trong 01 năm = (Chi phí tuân thủ 01 thủ tục hành chính) x (Số lần thực hiện theo quy định trong 01 năm) x (Số lượng đối tượng tuân thủ thủ tục hành chính đó trong 01 năm).

Chi phí thực hiện từng công việc = Thời gian thực hiện (đi lại, làm đơn, tờ khai, tài liệu khác,…) x Thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc + Chi phí tư vấn dịch vụ (in ấn, sao chụp, xác nhận, công chứng, chứng thực, dịch thuật; bưu điện, internet,…)

Căn cứ trên số liệu thống kê năm 2020, thu nhập bình quân đầu người năm 2020 của Việt Nam vào khoảng 2.750 đô-la Mỹ. Như vậy, trung bình 1 giờ làm việc sẽ vào khoảng **31,155 đồng** tính theo công thức tại điểm a, khoản 4, Điều 27, Thông tư 02/2017/TT-VPCP.

Việc mở rộng cơ sở thực hiện giao dịch điện tử tới tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội sẽ tiết kiệm phần lớn chi phí đi lại của người dân (chưa kể đến các chi phí tư vấn, sao chụp, công chứng, chứng thực tài liệu…). Ở phần này chỉ tập trung vào việc tiết kiệm chi phí đi lại của người dân trong thực hiện tuân thủ thủ tục hành chính do có thể thực hiện ở mọi lúc, mọi nơi khi ứng dụng giao dịch điện tử.

Theo số liệu của Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông, giao dịch về thủ tục hành chính của người dân với cơ quan nhà nước trung bình khoảng **600,000** giao dịch/ngày. Nếu thực hiện theo phương pháp truyền thống, mỗi giao dịch này sẽ mất tối thiểu 02 lần đi lại/giao dịch; trung bình 01 lần đi lại là 02 lượt (đi và về), tối thiểu 01 giờ mỗi lượt (theo bảng ước tính tại điểm a, khoản 4, Điều 27, Thông tư 02/2017/TT-VPCP). Như vậy, để thực hiện thành công 01 giao dịch đảm bảo tuân thủ thủ tục hành chính, người dân sẽ mất tối thiểu 02 giờ đi lại (không kể thời gian làm tờ khai, đơn – được ước tính trung bình 01 giờ/trang).

Đối với số lượng giao dịch đã được thống kê nói trên, có thể tính chi phí đi lại (tối thiểu) thực hiện theo cách truyền thống là:

*Tổng số giao dịch về thủ tục hành chính thực hiện * 240 ngày làm việc * số giờ đi lại tối thiểu * đơn giá giờ công lao động = Số tiền tiết kiệm tối thiểu*

600,000 x 240 x 2 x 31,155 = 9,011,401,804,800 đồng

Khi áp dụng giao dịch điện tử, người dân không phải tới các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục hành chính. Giả sử sau khi ban hành Luật Giao dịch điện tử sửa đổi, cùng với tiến trình phát triển Chính phủ điện tử số lượng các giao dịch về thủ tục hành chính được thực hiện bằng hình thức điện tử tăng lên 80% trên tổng số các giao dịch thủ tục hành chính được thực hiện. Giả sử số lượng các thủ tục hành chính được thực hiện hàng năm không có nhiều biến động lớn thì việc đạt được mục tiêu nói trên sẽ giúp tiết kiệm tối thiểu **288** triệu giờ làm việc, tương đương khoảng (tối thiểu) **9,011.4** (*Chín ngàn không trăm mười một phẩy bốn*) tỷ đồng/năm chi phí cho việc đi lại của người dân để thực hiện tuân thủ thủ tục hành chính.

- *Tác động xã hội:* Chính sách sẽ tháo gỡ các rào cản pháp lý trong quá trình thực hiện triển khai xã hội số, Chính phủ số, tạo điều kiện cho ứng dụng giao dịch điện tử trong mọi mặt của đời sống, kinh tế, xã hội. Điều này cũng góp phần công khai, minh bạch hóa các hoạt động kinh tế, xã hội, phòng chống tham nhũng, lãng phí trong các hoạt động của nhà nước và xã hội.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Các lĩnh vực đang bị loại trừ trong Luật Giao dịch điện tử 2005 sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật, mở rộng tới tất cả các lĩnh vực của đời sống, kinh tế, xã hội. Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến trong các lĩnh vực sẽ có đầy đủ cơ sở pháp lý để thực hiện, xóa bỏ các rào cản pháp lý trong việc triển khai các dịch vụ trực tuyến trong các lĩnh vực tư pháp, đất đai, xây dựng, tài chính, v.v. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy xây dựng Chính phủ điện tử và ứng dụng giao dịch điện tử trong mọi lĩnh vực.

3.4. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất lựa chọn phương án 2. Đây là phương án phù hợp và cần thiết để hoàn thiện hành lang pháp lý, tháo gỡ các rào cản pháp lý đối với tất cả các lĩnh vực trong đời sống, kinh tế, xã hội. Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Giao dịch điện tử là cơ sở để thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi đối với tiến trình xây dựng xã hội số, Chính phủ số.

2. Chính sách 2: ***Quy định bảo đảm giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu.***

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật Giao dịch điện tử 2005 đã quy định về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu tạo điều kiện chuyển giao dịch truyền thống lên môi trường điện tử. Tuy nhiên Luật còn chưa làm rõ quy định thông điệp dữ liệu an toàn. Đây là cơ sở để

hoàn thiện quy định về chứng cứ của thông điệp dữ liệu. Trong đó, cần quy định biện pháp bảo đảm tính toàn vẹn, tính chống chối bỏ của thông điệp dữ liệu. Thêm nữa, quy định về thời gian, địa điểm gửi, nhận thông điệp dữ liệu, thời điểm ký thông điệp dữ liệu chưa phù hợp với thực tế. Luật còn thiếu quy định về giá trị pháp lý và chứng cứ của thông điệp dữ liệu khi được lưu trữ và của thông điệp dữ liệu đã được chuyển đổi với bản giấy.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bổ sung các quy định còn thiếu đã được xác định tại mục 1.1 nêu trên nhằm làm rõ hơn quy định về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu. Từ đó bảo đảm hiệu quả thực thi chính sách, là cơ sở để thiết lập giao dịch điện tử an toàn trên môi trường mạng.

2.3. Các phương án đề xuất để giải quyết vấn đề

2.3.1. Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng như hiện nay, không sửa đổi, bổ sung các quy định còn thiếu, chưa phù hợp với thực tiễn về thông điệp dữ liệu.

- *Tác động kinh tế:* Không.

- *Tác động xã hội:* Không.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Không.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Phương án này không giải quyết được các vấn đề vướng mắc trong quy định về thông điệp dữ liệu tại Luật GDĐT 2005. Từ đó, chưa đủ cơ sở để thiết lập GDĐT an toàn, giải quyết tranh chấp, tăng cường niềm tin đối với người dùng, cơ quan, tổ chức khi tiến hành giao dịch điện tử.

2.3.2. Phương án 2: Bổ sung quy định về thông điệp dữ liệu an toàn và sửa đổi những quy định chưa phù hợp với thực tiễn triển khai.

- *Tác động kinh tế:* Không.

- *Tác động xã hội:* Không.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Không.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải quyết được những tồn tại trong quy định về thông điệp dữ liệu, góp phần thiết lập giao dịch điện tử an toàn trong hoạt động hành chính, dân sự.

2.4. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất lựa chọn phương án 2. Phương án được đề xuất lựa chọn phù hợp để giải quyết những vướng mắc trong quy định hiện hành về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu. Tạo cơ sở pháp lý, góp phần bảo đảm triển khai giao dịch điện tử an toàn trên môi trường mạng.

3. Chính sách 3: ***Quy định bảo đảm giá trị pháp lý của chữ ký điện tử, quản lý dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử.***

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật Giao dịch điện tử 2005 đã quy định về giá trị pháp lý của chữ ký điện tử, dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử tạo nền tảng pháp lý triển khai giao dịch điện tử trên môi trường mạng. Tuy nhiên, Luật chưa quy định cụ thể về chữ ký điện tử an toàn, biện pháp, tiêu chuẩn bảo đảm chữ ký điện tử an toàn. Luật còn thiếu quy định về cấp độ chữ ký điện tử, giá trị pháp lý theo từng cấp độ, các trường hợp sử dụng để chữ ký điện tử có tính ứng dụng cao, phù hợp với nhu cầu đa dạng của các giao dịch điện tử. Những vấn đề nêu trên tạo rào cản trong ứng dụng chữ ký điện tử với yêu cầu đa dạng, đồng thời cũng gây khó khăn khi giao dịch có tranh chấp.

2.2.Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bổ sung các quy định còn thiếu đã được xác định tại mục 2.1 nêu trên, nhằm làm rõ hơn quy định về giá trị pháp lý của chữ ký điện tử. Từ đó, bảo đảm hiệu quả ứng dụng, thi hành chính sách về chữ ký điện tử, là cơ sở để thiết lập giao dịch điện tử an toàn trên môi trường mạng.

3.3. Các phương án đề xuất để giải quyết vấn đề

3.3.1. Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng như hiện nay, không sửa đổi, bổ sung các quy định còn thiếu, chưa phù hợp với thực tiễn về chữ ký điện tử.

- *Tác động kinh tế:* Không.

- *Tác động xã hội:* Không.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Không.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Phương án này không giải quyết được các vấn đề vướng mắc trong quy định về giá trị pháp lý của chữ ký điện tử tại Luật Giao dịch điện tử 2005. Từ đó, chưa đủ cơ sở để ứng dụng đa dạng chữ ký điện tử, thiết lập giao dịch điện tử an toàn, gia tăng niềm tin đối với người dùng, cơ quan, tổ chức khi tiến hành giao dịch trên môi trường điện tử.

3.3.2. Phương án 2: Bổ sung quy định về thông điệp dữ liệu an toàn và sửa

đổi những quy định chưa phù hợp với thực tiễn triển khai.

- *Tác động kinh tế:* Không.

- *Tác động xã hội:* Không.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Không.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải quyết được những tồn tại trong quy định về thông điệp dữ liệu, góp phần thiết lập giao dịch điện tử an toàn trong hoạt động hành chính, dân sự và kinh tế.

3.4. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất lựa chọn phương án 2. Phương án lựa chọn phù hợp để giải quyết những vướng mắc trong quy định hiện hành về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu. Đây là cơ sở hoàn thiện hạ tầng số, điều kiện tiên quyết bảo đảm triển khai giao dịch điện tử an toàn, thực hiện chuyển đổi số trong thời gian tới.

4. Chính sách 4: ***Quy định đảm bảo giá trị pháp lý của các hình thức xác thực, định danh điện tử.***

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Trong những năm gần đây, việc gia tăng ứng giao dịch điện tử trong các lĩnh vực của đời sống, kinh tế, xã hội dẫn tới vấn đề xác thực, định danh điện tử sử dụng trong các giao dịch điện tử trở phổ biến và đa dạng như: sử dụng tên người dùng và mật khẩu (username/ password), mật khẩu dùng một lần (OTP), sinh trắc học (vân tay, mống mắt, v.v. Luật Giao dịch điện tử 2005 còn thiếu quy định về định danh, xác thực điện tử dẫn đến việc khó phân định trách nhiệm các bên khi xảy ra các sự cố liên quan đến xác thực và định danh điện tử, gây ảnh hưởng tới tính pháp lý và sự tin tưởng của các bên khi tham gia giao dịch điện tử.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho các hình thức xác thực, định danh điện tử sử dụng trong giao dịch điện tử, nâng cao mức độ tin cậy của các giao dịch điện tử, góp phần thúc đẩy việc sử dụng các ứng dụng giao dịch điện tử nói chung. Đây cũng là yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển Chính phủ điện tử, hỗ trợ xây dựng xã hội số, kinh tế số.

4.3. Các phương án đề xuất để giải quyết vấn đề

4.3.1. Phương án 1: Không xây dựng quy định đảm bảo giá trị pháp lý của

các hình thức xác thực, định danh điện tử.

- *Tác động kinh tế:* Không.

- *Tác động xã hội:* Các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực, định danh điện tử không cần tuân thủ các tiêu chuẩn hay phải hợp chuẩn, hợp quy các tiêu chuẩn định danh và xác thực điện tử đang cung cấp. Điều này ảnh hưởng tới sự tin tưởng của người sử dụng trong việc thực hiện giao dịch điện tử.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp không giải quyết được các bất cập hiện nay về giá trị pháp lý của các hình thức xác thực, định danh điện tử. Các tranh chấp xảy ra trong quá trình sử dụng dịch vụ xác thực và định danh điện tử sẽ không có đủ cơ sở pháp lý để giải quyết triệt để.

4.3.2. Phương án 2: Quy định đảm bảo giá trị pháp lý của các hình thức xác thực, định danh điện tử. Giao Chính phủ quy định chi tiết các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu đảm bảo an toàn về xác thực, định danh điện tử đối với từng lĩnh vực cụ thể.

- *Tác động kinh tế:* Không phát sinh các chi phí trực tiếp. Tuy nhiên, đối với các cơ quan nhà nước đang vận hành các cổng dịch vụ công, các hệ thống thông tin có thể sẽ phát sinh chi phí để nâng cấp, điều chỉnh hệ thống, chi phí sử dụng dịch vụ xác thực điện tử; các chi phí trong hoạt động hoàn thiện hệ thống định danh điện tử đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn cụ thể. Trong dài hạn, việc này sẽ góp phần gia tăng niềm tin trong sử dụng các dịch vụ xác thực, định danh điện tử và thúc đẩy tăng trưởng sử dụng dịch vụ. Việc gia tăng số lượng sử dụng sẽ dẫn đến giảm chi phí đối với các dịch vụ này xuống mức thấp.

- *Tác động xã hội:* Chính sách sẽ giải quyết được triệt để hạn chế trong hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ đối với các hoạt động chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Điều này góp phần gia tăng hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước đối với các dịch vụ xác thực, định danh điện tử.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Hoàn thiện hành lang pháp lý làm cơ sở thực hiện các chỉ đạo điều hành của Đảng, Chính phủ trong tiến trình thực hiện xây dựng xã hội số, Chính phủ số, kinh tế số, Chính phủ điện tử. Đây là cơ sở pháp lý để Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan liên quan

ban hành các tiêu chí, quy định thống nhất về chức năng, tính năng kỹ thuật trong xây dựng Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin điện tử cấp bộ, cấp tỉnh; hướng dẫn kết nối các hệ thống thông tin một cửa điện tử trên phạm vi cả nước; đánh giá, lựa chọn và khuyến cáo sử dụng phần mềm một cửa điện tử thống nhất cho cấp bộ, cấp tỉnh. Để triển khai, thực hiện hiệu quả các hoạt động nói trên cần thiết phải có quy định đảm bảo giá trị pháp lý của các hình thức xác thực, định danh điện tử sử dụng trong giao dịch điện tử.

4.4. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất lựa chọn phương án 2 với mục tiêu hoàn thiện hành lang pháp lý cho các hình thức xác thực, định danh điện tử sử dụng trong giao dịch điện tử, góp phần thúc đẩy việc sử dụng các hình thức xác thực, định danh điện tử cho các ứng dụng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công và thực hiện Chính phủ điện tử. Đối với các hoạt động trong đời sống, kinh tế, xã hội việc quy định đảm bảo giá trị pháp lý của các hình thức xác thực, định danh điện tử sẽ hỗ trợ phát triển các giao dịch điện tử như: thuận tiện trong việc thực hiện thủ tục hành chính của công dân; đảm bảo pháp lý đối với các hoạt động thương mại điện tử; đảm bảo pháp lý của các giao dịch điện tử giữa công dân với công dân, công dân với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp...

5. Chính sách 5: ***Quy định đảm bảo giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử, quy định về giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử.***

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Quy định về giao kết và thực hiện hợp đồng tại Luật Giao dịch điện tử 2005 đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy triển khai hợp đồng điện tử trong nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên quá trình triển khai cho thấy Luật còn một số điểm chưa phù hợp với thực tiễn như quy định về giai đoạn của giao kết hợp đồng điện tử, hiệu lực của hợp đồng, hợp đồng vô hiệu, quy định ứng dụng hợp đồng điện tử trong các lĩnh vực khác nhau, chứng thực hợp đồng điện tử, v.v. Vấn đề nêu trên dẫn đến khó khăn khi triển khai ứng dụng hợp đồng điện tử trong các hoạt động kinh tế.

Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ trong những năm gần đây, việc thực hiện các giao kết, hợp đồng điện tử trở nên rất phổ biến với nhiều hình thức, cách thể hiện khác nhau. Trong đó, vấn đề đảm bảo hiệu lực của việc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử nằm ở giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, hợp đồng điện tử quá trình thực hiện các giao dịch điện tử. Đặc biệt đối với hoạt động thương mại điện tử, các vấn đề thanh toán, thời gian, địa điểm gửi nhận… là các yếu tố chính của hiệu lực hợp đồng nhưng chưa có quy định cụ thể tại

Luật Giao dịch điện tử 2005 dẫn đến khó khăn trong việc xác định giá trị pháp lý, phạm vi trách nhiệm để giải quyết khi xảy ra tranh chấp giữa các bên tham gia giao kết, thực hiện hợp đồng điện tử.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định cụ thể để đảm bảo giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử, hiệu lực của hợp đồng trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, chứng thực hợp đồng điện tử để có sự đồng bộ và kết nối đối với hệ thống văn bản pháp luật chung khác về hợp đồng và giao kết hợp đồng *(Bộ Luật Dân sự 2015, Nghị định 52/2013/NĐ-CP về Thương mại điện tử)*

5.3. Các phương án đề xuất để giải quyết vấn đề

5.3.1. Phương án 1: Giữ nguyên các quy định tại Luật Giao dịch điện tử 2005 về giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử.

- *Tác động kinh tế:* Không.

- *Tác động xã hội:* Không.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Các vấn đề tồn tại về cơ sở pháp lý trong quá trình thực hiện giao kết, hợp đồng điện tử không được giải quyết triệt để bằng các quy định dưới luật. Việc đảm bảo giá trị pháp lý và triển khai hợp đồng điện tử sẽ không có cơ sở chắc chắn. Đồng thời, chưa có sự đồng bộ, kết nối với hệ thống văn bản pháp luật chung khác về hợp đồng và giao kết hợp đồng.

5.3.2. Phương án 2: Bổ sung các quy định còn thiếu về bảo đảm giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử, giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, chứng thực hợp đồng điện tử.

Các sửa đổi, bổ sung tập trung vào một số vấn đề chính:

+ Quy định giá trị pháp lý của một đề nghị giao kết hợp đồng dưới hình thức điện tử.

+ Quy định liên quan đến điều kiện có hiệu lực của hợp đồng điện tử, giao dịch vô hiệu hoặc dẫn chiếu, kết nối với các quy định trong thực hiện hợp đồng điện tử với hệ thống pháp luật về hợp đồng và giao kết hợp đồng nói chung.

+ Quy định về ứng dụng hợp đồng điện tử trong các lĩnh vực.

+ Quy định về chứng thực hợp đồng điện tử.

- *Tác động kinh tế:* Không.

- *Tác động xã hội:* Đảm bảo giá trị pháp lý của các giao kết, hợp đồng điện tử, tạo sự tin tưởng đối với giao dịch điện tử trong các hoạt động kinh tế, xã hội.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Các quy định bổ sung là cơ sở để đảm bảo giá trị pháp lý hợp đồng điện tử, những tồn tại trong thực hiện giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử. Việc đưa vào các quy định này có vai trò giải quyết vấn đề công nhận hiệu lực của giao kết, hợp đồng điện tử cũng nhưng các quy định cụ thể đối với những yếu tố cơ bản của giao kết, thực hiện hợp đồng điện tử. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc triển khai thương mại điện tử, ứng dụng hợp đồng điện tử trong các hoạt động của đời sống, kinh tế - xã hội.

5.4. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất lựa chọn phương án 2, việc sửa đổi bổ sung những quy định trên là yêu cầu cấp thiết để hoàn thiện khung pháp lý trong việc ứng dụng hợp đồng điện tử, triển khai giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử trong các hoạt động đời sống, kinh tế, xã hội. Từ đó đẩy mạnh giao dịch điện tử trong lĩnh vực dân sự, trọng tâm thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

6. Chính sách 6*: Quy định về dịch vụ tin cậy và nhà cung cấp dịch vụ tin cậy*

6.1. Xác định vấn đề bất cập

Trong các hoạt động giao dịch điện tử hiện nay, dịch vụ tin cậy đang là yếu tố quan trọng và xuyên suốt quá trình thực hiện giao dịch điện tử. Nhà cung cấp dịch vụ tin cậy trong các hoạt động chứng thực chữ ký số, xác thực, định danh điện tử, gắn nhãn thời gian, v.v. là đối tượng được ủy thác bởi người sử dụng để thực hiện các hoạt động khởi tạo, xác nhận và tính hiệu lực của chữ ký điện tử, nhãn thời gian, v.v. Tuy nhiên, dịch vụ tin cậy và nhà cung cấp dịch vụ tin cậy chưa được quy định cụ thể tại Luật Giao dịch điện tử 2005, đồng thời cũng chưa có các quy định về đánh giá, quản lý đối với các chủ thể này. Đây là mắt xích yếu trong các hành lang pháp lý điều chỉnh các giao dịch điện tử, có thể ảnh hưởng tới việc đảm bảo giá trị pháp lý của giao dịch điện tử.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn thiện hành lang pháp lý quy định các vấn đề về yêu cầu cơ bản, yêu cầu quản lý nhà nước đối với dịch vụ tin cậy và nhà cung cấp dịch vụ tin cậy để đảm bảo tính hợp pháp, an toàn trong quá trình thực hiện các giao dịch điện tử.

6.3. Các phương án đề xuất để giải quyết vấn đề

6.3.1. Phương án 1: Không bổ sung quy định điều chỉnh đối với dịch vụ tin cậy và nhà cung cấp dịch vụ tin cậy.

- *Tác động kinh tế:* Không.

- *Tác động xã hội:* Không.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp này dẫn đến việc duy trì điểm yếu pháp lý của các giao dịch điện tử khi nhà cung cấp dịch vụ tin cậy và dịch vụ tin cậy không nằm trong sự điều chỉnh cụ thể của luật.

6.3.2. Phương án 2: Bổ sung các quy định đối với dịch vụ tin cậy và nhà cung cấp dịch vụ tin cậy.

- *Tác động kinh tế:* Không.

- *Tác động xã hội:* Không.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Chuẩn hóa việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến các dịch vụ xác thực điện tử, chứng thực điện tử theo quy định hiện nay để đồng bộ và thuận tiện hơn. Không làm phát sinh tác động nhiều về thủ tục hành chính do phần lớn các nhà cung cấp dịch vụ tin cậy cũng chính là các đơn vị cung cấp các dịch vụ xác thực điện tử, chứng thực điện tử hiện đã được cấp phép hoạt động trên thị trường. Dự kiến việc quản lý các dịch vụ tin cậy sẽ được thực hiện theo hình thức hậu kiểm, các đơn vị cung cấp dịch vụ sẽ được cấp chứng nhận đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ dựa trên hồ sơ đề xuất.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Hoàn thiện hành lang pháp lý đối với người trung gian giao dịch điện tử. Đây là cơ sở quan trọng để thiết lập ràng buộc pháp lý giữa người sử dụng và người cung cấp dịch vụ quan trọng của giao dịch điện tử. Các quy định này cũng có vai trò là cơ sở cho việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các dịch vụ tin cậy và nhà cung cấp dịch vụ tin cậy. Bổ sung các quy định này là yếu tố quan trong trong việc bảo đảm giá trị pháp lý, chất lượng dịch vụ và tính an toàn, bảo mật của giao dịch điện tử.

6.*4. Kiến nghị lựa chọn phương án*

Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất chọn phương án 2, đây là phương án cần thiết để hoàn thiện hành lang pháp lý đối với giao dịch điện tử, khắc phục các điểm yếu về mặt kỹ thuật trong quy định của Luật Giao dịch điện tử 2005.

7. Chính sách 7: ***Quy định về giao dịch điện tử của tổ chức, cá nhân với cơ quan nhà nước*** **và giữa các cơ quan Nhà nước**

7.1. Xác định vấn đề bất cập

Trong quá trình thực hiện triển khai các thủ tục hành chính hiện nay chưa có quy định khung về việc thực hiện thủ tục hành chính thông qua giao dịch điện tử. Trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đã có những quy định thủ tục hành chính (bao gồm việc thực hiện thủ tục hành chính bằng phương thức trực tiếp, truyền thống và quy trình giải quyết thủ tục hành chính), quy định việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; quy định về cách thức thực hiện thủ tục hành chính qua bưu chính. Tuy nhiên giao dịch điện tử giữa các tổ chức, cá nhân với cơ quan nhà nước chưa được quy định cụ thể ở cấp độ luật, chưa phù hợp với thực tiễn triển khai dịch vụ công trực tuyến mạnh mẽ trong thời gian gần đây. Trong giai đoạn hiện nay, tiến trình chuyển đổi số đang diễn ra rất mạnh mẽ trong mọi mặt của đời sống xã hội, việc triển khai xây dựng Chính phủ điện tử cũng bắt đầu bước vào giai đoạn quan trọng, việc số hóa dữ liệu trong hoạt động của các cơ quan nhà nước đang được ứng dụng rộng rãi. Ngày 15/6/2021, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành số 942/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Tuy giao dịch điện tử của các cơ quan nhà nước đã phát triển mạnh mẽ (dịch vụ công trực tuyến, gửi nhận văn bản điện tử, trao đổi dữ liệu, v.v.) nhưng chủ yếu được điều chỉnh bởi các văn bản dưới luật.Hiện tại đang có những rào cản về chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước dẫn đến những khó khăn trong việc trao đổi thông tin, thực hiện các yêu cầu về xác nhận, xác thực thông tin. Đây là vấn đề cấp thiết cần được quy định cụ thể, rõ ràng để các cơ quan nhà nước có thể liên thông, kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu của các cơ quan, tiết giảm các thủ tục cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính liên quan nhiều bộ, ngành. Bên cạnh đó, việc đưa ra quy định về yêu cầu chung đối với công tác chia sẻ dữ liệu cũng là vấn đề cần được đặc biệt lưu ý, hướng tới việc đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối, chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với giao dịch điện tử giữa các tổ chức, cá nhân với cơ quan nhà nước để giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính giữa tổ chức, cá nhân với cơ quan nhà nước. Thiết lập cơ sở pháp lý, các nguyên tắc và yêu cầu cơ bản ở cấp độ luật cho việc kết nối, chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước. Đây là yếu tố cơ bản và bắt buộc đối với

phát triển Chính phủ điện tử hiện nay và là nền tảng cho việc mở dữ liệu để thúc đẩy tiến trình liên thông cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan, giảm bớt các rào cản trong thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Việc đưa các quy định này ở cấp độ luật nhằm mục tiêu giảm bớt các thủ tục trong hoạt động chia sẻ dữ liệu, thông tin giữa các cơ quan nhà nước. Các yêu cầu cụ thể đối với chia sẻ dữ liệu là cơ sở để đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, thiết lập các phương thức chia sẻ dữ liệu thống nhất giữa các cơ quan nhà nước.

7.3. Các phương án đề xuất để giải quyết vấn đề

7.3.1. Phương án 1: Không xây dựng quy định ở cấp độ luật đối với giao dịch điện tử giữa tổ chức, cá nhân với cơ quan nhà nước.Giữ nguyên chính sách hiện tại về giao dịch điện tử giữa các cơ quan nhà nước, không quy định bổ sung thêm quy định ở cấp độ luật.

- *Tác động kinh tế:* Không.

- *Tác động xã hội:* Không.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Cơ sở pháp lý của các hoạt động thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng sẽ được điều chỉnh bởi các văn bản dưới luật. Giải pháp này không giải quyết được vấn đề vướng mắc về hành lang pháp lý đối với thực hiện triển khai các dịch vụ công trực tuyến. Các rào cản pháp lý đối với việc thực hiện giao dịch điện tử giữa các tổ chức, cá nhân với cơ quan quản lý nhà nước vẫn tồn tại, không giải quyết được các vướng mắc về cơ sở pháp lý trong việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Các rào cản đối với phát triển Chính phủ điện tử sẽ ảnh hưởng tới việc đạt được những mục tiêu đặt ra trong quá trình triển khai.

7.3.2. Phương án 2: Bổ sung các quy định về giao dịch điện tử của tổ chức, cá nhân với cơ quan nhà nước.

Quy định ở cấp độ Luật một số quy định và yêu cầu phù hợp với tình hình thực tế triển khai, tập trung vào một số yếu tố chính:

+ Quy định bắt buộc về chia sẻ dữ liệu đối với các hệ thống thông tin trong Chính phủ điện tử có lưu trữ, quản lý và xử lý dữ liệu trừ trường hợp hạn chế theo quy định của luật khác và các quy định liên quan bảo vệ bí mật nhà nước, về an ninh quốc gia;

+ Quy định về công nhận giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước;

+ Quy định về sở hữu chung đối với dữ liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan nhà nước, được chia sẻ phục vụ các hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định và bảo đảm việc quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu đúng mục đích, có hiệu quả và làm tăng giá trị của dữ liệu.

+ Quy định cơ bản về việc mở dữ liệu của chính phủ về mặt nội dung và h ình thức cần thiết.

+ Yêu cầu cơ bản về thực hiện quản lý, lưu trữ, đồng bộ và xử lý dữ liệu theo phân cấp hành chính nhà nước để thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

+ Yêu cầu cơ bản về nội dung, hình thức trong quá trình thực hiện chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước và các hành vi bị nghiêm cấm trong kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu.

- *Tác động kinh tế:* Giải pháp này là phương án tiết giảm hiệu quả các chi phí trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân thông qua việc: giảm thời gian, chi phí cho việc chuẩn bị, gửi hồ sơ và nhận kết quả; tiết kiệm được chi phí in ấn, sao chụp tài liệu giấy, công chứng, chứng thực, chi phí văn phòng phẩm... Trong dài hạn, các chi phí này sẽ giảm dần theo mức độ phát triển của việc thực hiện các giao dịch điện tử đối với thủ tục hành chính ở các bộ, ngành, địa phương.

Việc bổ sung quy định về giao dịch điện tử giữa tổ chức, cá nhân với cơ quan nhà nước sẽ tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động thực hiện các thủ tục hành chính. Trên cơ sở tính toán tác động kinh tế tại Chính sách 3, việc thực hiện thủ tục hành chính thông qua các hình thức giao dịch điện tử sẽ tiết kiệm đáng kể các chi phí phát sinh cho tổ chức, cá nhân mà không tăng nhân sự trong cơ quan nhà nước - tối thiểu khoảng **9,011.4** (*Ch ń ngàn không trăm mười một phảy bốn*) tỷ đồng/năm chỉ tính riêng chi phí cho việc đi lại.

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu xác thực trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia phục vụ thực hiện thủ tục hành chính theo hướng giảm việc nhập dữ liệu nhiều lần, đơn giản hóa thành phần hồ sơ sẽ tiết kiệm thời gian và chi phí cho xã hội. Khi Luật Giao dịch điện tử sửa đổi được ban hành và việc triển khai các dịch vụ công đạt mục tiêu 80% thủ tục hành chính được thực hiện bằng hình thức điện tử thì có thể ước tính:

Chi phí tiết kiệm được = Chi phí cắt giảm từ sao chụp và chứng thực văn bản + Chi phí di chuyển + Chi phí tiết kiệm được từ thời gian di chuyển, chờ nộp hồ sơ, xử lý của cán bộ thụ lý thủ tục hành chính.

Chi phí xây dựng hệ thống = Chi phí xây dựng, quản lý, vận hành các CSDLQG, các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương + Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia + Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bô, tỉnh (LGSP) các Bộ, địa phương + Cổng dịch vụ công/HTTT một cửa điện tử.

Chi phí gián tiếp (chưa tính) = Không gian lưu trữ hồ sơ giấy + Chi phí cơ hội trong thời gian di chuyển, chờ đợi + Nguy cơ rủi ro khi di chuyển.

Ước tính chi phí tiết kiệm được khi thực hiện thủ tục hành chính cho người dân hàng năm (trung bình khoảng 600,000 hồ sơ/ngày theo số liệu thống kê của Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông):

Chi phí tiết kiệm được từ sao chụp, chứng thực chứng, di chuyển= 600,000 (hồ sơ/ngày) x 240 (ngày làm việc) x 18,000 (đ/hồ sơ) = ***2,592,000,000,000 đ***

Việc liên thông cơ sở dữ liệu liệu của các cơ quan tổ chức khi đạt 100% sẽ cắt giảm toàn bộ các hoạt động chứng thực, sao chụp, tiết kiệm được chi phí cho xã hội tối thiểu **2,592 tỷ/năm** (*Hai nghìn năm trăm chín mươi hai tỷ đồng/năm).*

Lưu ý: Chi phí tiết kiệm từ việc thực hiện chứng thực giấy tờ liên quan đến công dân = 3.000đ (chi phí photo + chứng thực 01 hồ sơ) + 15.000 đ (chi phí di chuyển từ nhà đến chỗ chứng thực + chi phí di chuyển từ nơi chứng thực đến nơi nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính + chi phí di chuyển về nhà, tính theo đơn giá vận chuyển thực tế=5.000đ/km)

Hiện tại, các doanh nghiệp đã thực hiện tuân thủ thủ tục hành chính thông qua các cổng dịch vụ công, số lượng thủ tục hành chính được thực hiện hàng năm bởi các doanh nghiệp là rất lớn. Theo thống kê số hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính năm 2019 đối với một số bộ, ngành lớn (Thuế, Hải quan, Kho bạc, Ngân hàng, BHXH, Công thương) vào khoảng 313 triệu hồ sơ. Nếu tính tổng tất cả các bộ, ngành, địa phương, thì số lượng hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện giữa doanh nghiệp và cơ quan nhà nước trong một năm có thể vào khoảng 315 triệu hồ sơ, trong đó, giả sử 90% hồ sơ sử dụng chữ ký số để xác thực nên không mất chi phí để thực hiện chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, còn lại 10% thực hiện xác thực thông qua khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp. Khi hoàn thiện chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thì các doanh nghiệp không còn phải thực hiện hoạt động chứng thực. Ước tính chi phí tiết kiệm được cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính hàng năm là:

10% [(a) + (b)] = 10%x[*567 tỷ + 19,627.65] tỷ =* ***2,019.5 tỷ/năm***

Trong đó:

(a) Chi phí cắt giảm = 315,000,000 (hồ sơ) x 0.1(10% hồ sơ của doanh

nghiệp xác thực qua khai thác CSDLQG ĐKDN) x 18,000 (đ/hồ sơ, chi phí tiết kiệm từ việc thực hiện chứng thực giấy tờ liên quan) = 567,000,000,000 đ

(b) Chi phí từ tiết kiệm thời gian di chuyển, chờ nộp hồ sơ, xử lý hồ sơ =315,000,000 (hồ sơ) x 2 (h/1 hồ sơ) x 31,155 (đ/giờ công lao động)= 19,627,650,000,000 đ

Như vậy chi phí cho các hoạt động chứng thức thông tin liên quan tới doanh nghiệp có thể tiết kiệm được tối thiểu **2,019.5** tỷ đồng/năm (*Hai ngàn không trăm mười chín phẩy năm tỷ đồng)*

Ước tính tổng chi phí xây dựng, quản lý, vận hành một số hệ thống nền tảng (giai đoạn 5 năm) là:

(c) + (d) + (đ) + (e) =3,600+300+4,000+300+300+270+100+5*85+85*10

= **10,245 tỷ** (*Mười ngàn hai trăm bốn mươi lăm tỷ đồng*)

Trung bình 1 năm chi phí ước tính khoảng **2,009** tỷ đồng (*Hai ngàn không trăm linh chín tỷ đồng*)

Trong đó:

(c) Khái toán chí phí xây dựng, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu quốc gia nền tảng: CSDLQG về dân cư = 3,600 tỷ; CSDLQG về doanh nghiệp = 300 tỷ; CSDLQG về đất đai = 4,000 tỷ; CSDLQG về bảo hiểm = 300 tỷ; CSDLQG về tài chính = 300 tỷ; CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc=270 tỷ.

(d) Chi phí xây dựng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia: 200 tỷ đồng;

(đ) Chi phí xây dựng LGSP: 5 tỷ đồng/Bộ hoặc tỉnh (22 cơ quan cấp Bộ và 63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương);

(e) Chi phí xây dựng các cổng dịch vụ công/hệ thống thông tin một cửa điện tử của các bộ/địa phương: 10 tỷ/Bộ hoặc tỉnh.

Trên cơ sở đó, ước tính tổng chi phí tiết kiệm được cho xã hội hàng năm khi có kết nối, chia sẻ dữ liệu xác thực từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương là:

(2,592 tỷ + 2,019.5 tỷ) – 2,009 tỷ = **2,602.5 tỷ/năm** (*Hai ngàn sáu trăm linh hai phẩy năm tỷ đồng/năm).*

- *Tác động xã hội:* Các hoạt động giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục hành chính sẽ có cơ sở pháp lý đầy đủ, đẩy mạnh quá trình triển khai số hóa các thủ tục này. Bên cạnh đó, việc quy định thống nhất về phương pháp, nguyên tắc thực hiện giao dịch điện tử đối với các thủ tục hành chính cũng góp phần

nâng cao tính đồng bộ, liên thông giữa các bộ, ngành, địa phương giúp tổ chức, cá nhân có thể thực hiện dễ dàng hơn. Điều này góp phần minh bạch hóa các hoạt động giữa tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước; hỗ trợ phòng, chống tham nhũng, hạn chế các biểu hiện quan liêu, cửa quyền, gia tăng sự tin tưởng của doanh nghiệp và nhân dân đối với nhà nước.

Việc quy định các nguyên tắc và yêu cầu cơ bản đối hoạt động chia sẻ dữ liệu là cơ sở pháp lý để tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện liên thông, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; thống nhất hạ tầng kỹ thuật và giảm thiểu các phát sinh trong quá trình thực hiện kết nối, chia sẻ. Việc liên thông, chia sẻ dữ liệu giúp gia tăng hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, giảm bớt các yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân trong các vấn đề liên quan nhiều bộ, ngành. Điều này góp phần giảm bớt các tiêu cực, hạn chế trong hoạt động quản lý nhà nước, giúp bộ máy có thể hoạt động hiệu quả, tinh gọn.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Chuẩn hóa việc thực hiện các thủ tục hành chính, các thủ tục liên quan nhiều bộ, ngành sẽ trở nên thuận tiện hơn.

Triển khai thực hiện chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan tổ chức hướng tới việc đơn giản hóa các bước trong việc thực hiện thủ tục hành chính. Theo như phân tích tại phần đánh giá tác động về kinh tế của chính sách này, việc liên thông chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước sẽ cắt giảm các bước chứng nhận, xác nhận hiện đang tồn tại trong các thủ tục hành chính.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Tạo cơ sở pháp lý rõ ràng hơn đối với giao dịch điện tử giữa tổ chức, cá nhân với cơ quan nhà nước. Bên cạnh đó, việc quy định thống nhất về phương pháp, hình thức thực hiện cũng như việc đảm bảo giá trị pháp lý của các giao dịch điện tử trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính sẽ góp phần cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục, giảm bớt hồ sơ bản giấy. Các quy định này là cơ sở để dần hoàn thiện hệ thống pháp lý đối với việc thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức giao dịch điện tử, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Việc đảm bảo giá trị pháp lý của các giao dịch điện tử giữa các tổ chức, cá nhân với cơ quan nhà nước là yếu tố mang tính quyết định trong đánh giá hiệu quả của Chính phủ điện tử.

Việc quy định các nguyên tắc cơ bản về chia sẻ dữ liệu là cơ sở pháp lý để thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Điều này cũng góp phần nâng cao nhận thức đối với hoạt động chia sẻ, kết nối dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương. Các quy định này là ràng buộc pháp lý khi triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng các hệ thống thông tin phát

triển Chính phủ điện tử. Bên cạnh đó, việc quy định các yêu cầu cơ bản trong quá trình thu thập, quản lý, lưu trữ, đồng bộ và xử lý dữ liệu trong hoạt động của các cơ quan nhà nước sẽ tạo thuận lợi cho việc chia sẻ, kết nối, thống nhất hạ tầng, kỹ thuật liên quan cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước.

7.4. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất lựa chọn phương án 2. Đây là phương án phù hợp và cấp thiết để tạo hành lang pháp lý hiệu quả trong bối cảnh xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số hiện nay. Việc quy định về giao dịch điện tử của tổ chức, cá nhân với cơ quan nhà nước, giữa các cơ quan nhà nước ở cấp độ luật là rất cần thiết. Bên cạnh việc giải quyết những vấn đề bất cập của các quy định hiện hành thì đây là căn cứ quan trọng để sẽ hỗ trợ đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong hoạt động hành chính, tiết giảm các chi phí, thời gian của tổ chức, cá nhân, chi phí xã hội và nâng cao năng lực hoạt động của Chính phủ, thực hiện chủ trương xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển. Các quy định này cũng là cơ sở cho việc thực hiện triển khai xây dựng và sử dụng hiệu quả các hệ thống cơ sở dữ liệu trong Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

8. Chính sách 8: ***Quy định về an ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật trong giao dịch điện tử.***

8.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật Giao dịch điện tử 2005 đã có một chương quy định về an ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật trong giao dịch điện tử. Các quy định này là quy định khung, có tính tương đồng với các quy định quốc tế và vẫn có giá trị áp dụng trong giai đoạn hiện tại. Tuy nhiên, trong quá trình 15 năm thực thi Luật Giao dịch điện tử hiện đã có luật chuyên ngành liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo đảm an toàn, an ninh mạng, cụ thể Luật An toàn thông tin mạng 2015 và Luật An ninh mạng 2018. Chính phủ cũng đã ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành để áp dụng 02 Luật này trong thực tiễn kinh tế - xã hội. Quá trình chuyển đổi số đang diễn ra đặt thêm thách thức mới trong công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng nói chung và giao dịch điện tử nói riêng.

Do đó, việc đồng bộ các quy định trong Luật Giao dịch điện tử với các 02 Luật chuyên ngành nêu trên và bổ sung quy định mới mới đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số là cần thiết để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật và hiệu quả áp dụng thực tiễn của Luật Giao dịch điện tử trong giai đoạn mới.

8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Điều chỉnh thống nhất các quy định về an ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật

trong Luật Giao dịch điện tử và pháp luật chuyên ngành. Bổ sung những quy định còn thiếu liên quan tới an toàn, bảo vệ, bảo mật, giải quyết các yêu cầu phát sinh trong quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch điện tử.

8.3. Các phương án đề xuất để giải quyết vấn đề

8.3.1. Phương án 1: Giữ nguyên nội dung về an ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật trong giao dịch điện tử tại Chương VI, Luật Giao dịch điện tử 2005 và không sửa đổi, bổ sung các nội dung mới.

- *Tác động kinh tế:* Không.

- *Tác động xã hội:* Không.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Không.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Phương án này không giải quyết được sự thiếu thống nhất giữa quy định của Luật Giao dịch điện tử và 02 luật chuyên ngành. Một số vấn đề phát sinh trong giai đoạn hiện nay như bảo vệ thông tin, bảo vệ dữ liệu của cơ quan tổ chức cá nhân trong giao dịch điện tử không được điều chỉnh ở cấp độ luật. Điều này dẫn đến việc tồn tại các điểm yếu pháp lý trong giao dịch điện tử an toàn, đặc biệt là việc xử lý các vi phạm liên quan.

8.3.2. Phương án 2: Kế thừa nội dung về an ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật trong giao dịch điện tử tại Luật Giao dịch điện tử 2005, có sửa đổi, bổ sung các nội dung để thống nhất quy định với 02 luật chuyên ngành và các nội dung phát sinh trong quá trình triển khai chuyển đổi số của Đất nước.

- *Tác động kinh tế:* Không.

- *Tác động xã hội:* Không.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Không.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Thống nhất các quy định của pháp luật về an ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật trong giao dịch điện tử. Bổ sung cơ sở pháp lý cho các hoạt động quản lý nhà nước về an toàn, an ninh mạng đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới.

8.4. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất lựa chọn phương án 2. Phương án được đề xuất lựa chọn phù hợp để đảm bảo sự thống nhất giữa Luật Giao dịch

điện tử và 02 luật chuyên ngành. Bổ sung cơ sở pháp lý cho các hoạt động quản lý nhà nước về an toàn, an ninh mạng, góp phần bảo đảm triển khai giao dịch điện tử an toàn, hiệu quả triển khai chuyển đổi số quốc gia.

9. Chính sách 9: ***Quy định về quản lý nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến.***

9.1. Xác định vấn đề bất cập

Trong bối cảnh bùng nổ của cách mạng công nghiệp 4.0, của chuyển đổi số, giao dịch điện tử đã phát triển mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực kinh tế xã hội, hình thành nên các loại hình giao dịch trực tuyến qua mạng internet, các dịch vụ số trực tuyến, nền tảng số và dịch vụ nền tảng số. Thực tế các hoạt động giao dịch trực tuyến, dịch vụ trực tuyến, nền tảng số và dịch vụ nền tảng số đã và đang tồn tại và phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam, trong hầu khắp các lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế xã hội, từ các nền tảng cung cấp công cụ tìm kiếm (như Google), cho đến mạng xã hội (như Facebook), các nền tảng thương mại điện tử (như Amazon, eBay, Alibaba), dịch vụ gọi xe (như Uber, Grab), dịch vụ đặt khách sạn (như AirBnB), ...

Các mô hình hoạt động giao dịch điện tử trên các nền tảng số mang lại cho người tiêu dùng nói riêng và nền kinh tế nói chung nhiều lợi ích như tăng năng suất lao động, giảm chi phí, mở rộng thị trường, tạo cơ hội tiếp cận việc làm linh hoạt, v.v... Bằng việc xóa bỏ các tổ chức trung gian truyền thống (như các hãng taxi, khách sạn hay ngân hàng, v.v...), các nền tảng số cho phép các cá nhân trực tiếp tham gia cung cấp các hàng hóa, dịch vụ với chi phí giao dịch thấp hơn, tạo ra một nền kinh tế có tính bao trùm hơn, đồng thời, uy tín kinh doanh được cải thiện nhờ tính minh bạch các phản hồi của khách hàng, từ đó tạo ra áp lực thúc đẩy nhà cung cấp nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa cung cấp trên thị trường.

Luật Giao dịch điện tử 2005 hiện chưa có quy định về quản lý các nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến trên không gian mạng, đặc biệt là các nền tảng số trực tuyến quy mô lớn, có khả năng chi phối thị trường. Việc quản lý, phát triển nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến đóng vai trò trung tâm khi đây là thành phần quan trọng trong cấu trúc nền kinh tế nền tảng, kinh tế số; là trung gian giao dịch giữa người dùng cuối và người dùng doanh nghiệp. Các nền tảng số lớn có ảnh hưởng lớn, kiểm soát đáng kể quyền truy cập của người dùng, giữ vị trí vững chắc trong trong thị trường số sẽ dẫn đến sự phụ thuộc của người dung, nhiều trường hợp dẫn đến các hành vi gây bất bình đẳng, độc quyền, gây ảnh hưởng khả năng cạnh tranh, sự phát triển lành mạnh, hiệu quả của thị trường hoặc gây mất quyền lợi của người tiêu dùng.

Việc thiếu quy định pháp lý điều chỉnh các hoạt động này, các mô hình kinh doanh mới của kinh tế trên nền tảng số, kinh tế trên không gian mạng cũng khiến công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động, dịch vụ này thực sự còn lúng túng, đặc biệt là công tác thu thuế của Chính phủ thực sự còn rất hạn chế, chưa tương xứng với hiệu quả và hoạt động kinh doanh do mô hình kinh tế này mang lại. Bên cạnh đó, một số nền tảng ra đời trong điều kiện đầu tư và các quy định quản lý chủ yếu điều chỉnh các mô hình kinh doanh truyền thống, khiến các ngành kinh doanh truyền thống phải chịu chi phí cao, sự quản lý của Chính phủ khi gia nhập thị trường, trong khi đó, các nền tảng số cung cấp các dịch vụ, sản phẩm tương tự lại hầu như không chịu bất kỳ sự quản lý nào, ví dụ điển hình là mối quan hệ cạnh tranh giữa Uber, AirBnB với ngành taxi, khách sạn truyền thống. Các lao động tự do tham gia vào chuỗi cung ứng này cũng không được hưởng các biện pháp bảo vệ của pháp luật lao động như những người lao động trong mô hình kinh doanh truyền thống. Dữ liệu của người sử dụng được thu thập bởi các ông lớn như Google, Facebook... đang gây ra những lo ngại và ảnh hưởng đến lợi ích công.

9.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Thiết lập cơ sở pháp lý cơ bản về nguyên tắc, quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan, các tiêu chí, điều kiện hoạt động, kinh doanh đối với các nền tảng số, dịch vụ số, đặc biệt là các nền tảng số, các doanh nghiệp công nghệ lớn có khả năng chi phối thị trường; quy định về phát triển và quản lý nền tảng số, dịch vụ số, chính sách của Nhà nước nhằm thúc đẩy giao dịch trên nền tảng số, giao dịch trực tuyến; hạn chế những vấn đề phát sinh dẫn tới hoạt động không công bằng, đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng, chống độc quyền trên không gian mạng; khai thác và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong khi vẫn bảo vệ được quyền riêng tư của cá nhân; hệ thống đánh giá tín nhiệm, báo cáo nội dung bất hợp pháp, quy định giải quyết tranh chấp và các quy định cơ bản khác đảm bảo an toàn giao dịch trực tuyến; giám sát, ngăn chặn các hành vi gian lận, lừa đảo, ngăn chặn các mua bán, sát nhập độc hại và các hoạt động tiêu cực đến hoạt động kinh tế trên nền tảng internet v.v... Thông qua đó, người dùng được hưởng đầy đủ lợi ích của kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ và kinh tế số, chống thất thu thuế Chính phủ và tạo môi trường cạnh tranh công bằng giữa các doanh nghiệp nền tảng và các doanh nghiệp truyền thống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động tự do.

9.3. Các phương án đề xuất để giải quyết vấn đề

9.3.1. Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng như hiện nay, không bổ sung các nội dung quy định về quản lý nền tảng số, dịch vụ sô và giao dịch trực tuyến vào Luật sửa đổi.

- *Tác động kinh tế:* Không.

- *Tác động xã hội:* Không.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Không.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Phương án này không giải quyết được các bất cập hiện tại khi quy định pháp luật chưa theo kịp các hình thái phát triển mới của giao dịch điện tử trong cách mạng công nghiệp 4.0, và cũng không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số theo định hướng của Đảng và Chính phủ.

9.3.1. Phương án 2: Bổ sung các quy định quản lý nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến phù hợp với yêu cầu từ thực tiễn.

- *Tác động kinh tế*: đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng, chống độc quyền trên không gian mạng nhưng không trực tiếp phát sinh chi phí.

- *Tác động xã hội:* bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người tiêu dùng, các cá nhân và tổ chức có liên quan.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Chuẩn hóa việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến các dịch vụ nền tảng số theo quy định hiện nay để đồng bộ và thuận tiện hơn. Hiện nay các loại hình giao dịch trực tuyến đang chịu các loại điều kiện, thủ tục khác nhau theo từng ngành, ví dụ thủ tục để xin thiết lập cổng thông tin điện tử, thiết lập mạng xã hội, thủ tục để cung cấp các dịch vụ trực tuyến như dịch vụ trò chơi, giải trí qua mạng, v.v… Việc thống nhất quy định về các nền tảng số trực tuyến sẽ giúp chuẩn hoá các yêu cầu đối với các loại hình dịch vụ số trực tuyến, đồng bộ, thống nhất trong quy định pháp luật, tạo môi trường thuận tiện, đơn giản hoá thủ tục hành chính.

- *Tác động về giới:* Không.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải quyết được các bất cập hiện tại, đảm quy định pháp luật bắt kịp các hình thái phát triển mới của giao dịch điện tử trong cách mạng công nghiệp 4.0, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho giao dịch điện tử trên không gian mạng, tạo môi trường cạnh tranh công bằng giữa các doanh nghiệp nền tảng và các doanh nghiệp truyền thống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động tự do, đồng thời đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thực tiễn thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số theo định hướng của Đảng và Chính phủ.

9.4. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất lựa chọn phương án 2. Phương án

đề xuất lựa chọn sẽ giải quyết những bất cập hiện tại về quy định pháp lý cho chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

III. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách

Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách bao gồm tất cả các đối tượng được đề xuất là đối tượng áp dụng của Luật Giao dịch điện tử sửa đổi.

2. Cơ quan giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách

Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử theo quy định của Luật Giao dịch điện tử.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH LUẬT

IV.1. Dự kiến nguồn lực

- Từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương;

- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

IV.2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

- Ban hành văn bản quy định chi tiết: các cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản được giao trong Luật để hướng dẫn thi hành phù hợp với quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về Luật: Các bộ, ngành liên quan (Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan ở các tỉnh, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân và tập huấn cho đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện GDĐT hiểu biết đầy đủ về các quy định của Luật để thực hiện kịp thời.

- Bảo đảm nhân lực thực hiện: Các cơ quan có thẩm quyền thực hiện GDĐT theo quy định của Luật ở Trung ương cũng như địa phương bố trí đội ngũ cán bộ có chuyên môn, kỹ năng phù hợp để thực hiện.

- Đảm bảo cơ sở vật chất và kính phí để thực hiện: bố trí hệ thống máy tính, nâng cấp phần mềm tin học đảm bảo khả năng kết nối, xử lý, khai thác, quản lý, lưu trữ và bảo mật tốt hồ sơ GDĐT giữa các cơ quan thực hiện (đầu tư công trung hạn) cho các cơ quan trực tiếp thực hiện GDĐT; bố trí kinh phí thường

xuyên hỗ trợ thực hiện GDĐT và chi phí phục vụ việc theo dõi, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất.

Công tác GDĐT đã được tổ chức thực hiện chuyên nghiệp, bài bản kể từ khi Luật GDĐT có hiệu lực từ năm 2006, các cơ quan thực hiện GDĐT đều có bố trí cán bộ, kinh phí cho công tác này và đã có kinh nghiệm tổ chức thực hiện. Vì vậy, nguồn lực dự kiến cho việc thực hiện Luật GDĐT không phát sinh lớn, chủ yếu phục vụ tin học hóa.

V. LẤY Ý KIẾN

Bộ Thông tin và Truyền thông đã gửi lấy ý kiến Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Giao dịch điện tử sửa đổi tới tất cả các Bộ, ngành, địa phương; đăng hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông để lấy ý kiến rộng rãi.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện hoàn thiện bản Giải trình tiếp thu ý kiến để hoàn thiện hồ sơ sửa đổi Luật Giao dịch điện tử.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA LUẬT

Trên cơ sở thời gian Chính phủ giao thực hiện nhiệm vụ xây dựng Luật Giao dịch điện tử sửa đổi (thay thế Luật Giao dịch điện tử năm 2005) tại Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Bộ TT&TT phải trình Quốc Hội Luật Giao dịch điện tử sửa đổi vào năm 2022. Do đó, Bộ Thông tin và Truyền thông dự kiến đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2022, trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp Quốc hội tháng 5/2022 và thông qua tại Kỳ họp tháng 10/2022 ./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG